

Bản án số: 125/2024/HS-ST
Ngày 29 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đức Thành

Ông Nguyễn Tiến Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1997, tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: thôn E, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Y và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng và chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 03/9/2024. Ngày 12/9/2024 bị áp dụng biện pháp: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và: “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Quang L**, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2005, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: thôn B, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L1 và bà Bùi Thị H1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Văn K**, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1991, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: thôn E, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K1 và bà Nguyễn Thị

H2; bị cáo có vợ và chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

4. Họ và tên: **Phạm Hữu T1**, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1986, tại huyện V, thành phố Hải Phòng. Nơi thường trú: khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ở: thôn D, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T2 và bà Lương Thị L2; bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 03/9/2024. Ngày 26/9/2024 bị áp dụng biện pháp: “Bảo lãnh” và: “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt.

5. Họ và tên: **Bùi Văn T3**, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1997, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: thôn E, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu L3 và bà Vũ Thị T4; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2024. Ngày 28/10/2024 được thay thế bằng biện pháp: “Bảo lãnh” và: “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T và Lê Văn K là vợ chồng. Khoảng cuối tháng 7 năm 2024, T và K thống nhất cùng đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề” với nhiều người. T và K cùng nhận bán số lô, đề sau đó tổng hợp lại gửi cho K tính toán, việc trả tiền cho khách trúng thưởng sẽ do cả hai cùng thực hiện. Cách thức đánh bạc dựa trên kết quả xổ số miền B được quay thưởng vào 18 giờ 15 phút hàng ngày. Khi mua số lô người chơi sẽ mua một số gồm 02 chữ số với giá 22.500 đồng / 01 điểm lô, nếu trùng với hai chữ số cuối cùng của các giải từ giải đặc biệt đến giải bảy cùng ngày thì người đó trúng thưởng, mỗi điểm mua tương ứng được trả thưởng 80.000 đồng. Nếu không trúng sẽ mất số tiền mua số lô. Số tiền đánh bạc sẽ được thanh toán bằng hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản trong ngày hoặc sau đó vài ngày. Quá trình điều tra đã xác định T và K đã đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề” với Bùi Quang L và Bùi Văn T3 như sau:

- Ngày 19/8/2024, Bùi Quang L sử dụng tài khoản Facebook “Quang Lực” liên lạc với Nguyễn Thị T qua tài khoản Facebook “Thu Kòy” để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề”. Lực mua 500 điểm lô tương đương 11.250.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền B cùng ngày thì L không trúng. Tổng số tiền L đánh bạc với T và K là 11.250.000 đồng. Các bị cáo đã thanh toán cho nhau bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng và trả tiền mặt.

- Ngày 30/8/2024, Bùi Văn T3 sử dụng tài khoản Zalo “Quang Thao” liên lạc với Nguyễn Thị T qua tài khoản Zalo “Thu N” để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề”. Thao mua 100 điểm lô tương đương số tiền 2.250.000 đồng, đối chiếu kết quả xổ số miền B cùng ngày thì T3 trúng 8.000.000 đồng, tổng số tiền T3 đánh bạc với T và K là 10.250.000 đồng. Ngoài ra T3, T và K cũng đánh bạc với nhau bằng cách tương tự vào các ngày 28/8/2024; 29/8/2024 với số tiền đánh bạc lần lượt là 1.150.000 đồng, 2.250.000 đồng. Các bị cáo đã thanh toán cho nhau bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

Tương tự cách đánh bạc và thanh toán như trên, Phạm Hữu T1 và Bùi Quang L do có quen biết với nhau nên thỏa thuận đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề”. Trong đó xác định ngày 28/8/2024, Bùi Quang L sử dụng tài khoản Facebook “Quang Lực” liên lạc với Phạm Hữu T1 qua tài khoản Facebook “Phạm Hữu T1” để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề”. L mua 500 điểm lô tương đương số tiền 11.250.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền B cùng ngày thì L không trúng. Tổng số tiền L và T1 đánh bạc là 11.250.000 đồng. Ngoài ra, L và T1 cũng đánh bạc với nhau bằng cách tương tự vào các ngày 30/08/2024; 31/8/2024 và 01/9/2024 với số tiền đánh bạc lần lượt là 4.100.000 đồng, 2.000.000 đồng và 1.125.000 đồng. Các bị cáo đã thanh toán xong cho nhau bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng và trả tiền mặt.

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 02/9/2024, tại thôn B, xã S, thị xã Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q phối hợp cùng Công an xã S kiểm tra hành chính đối với Bùi Quang L. Quá trình kiểm tra phát hiện hành vi đánh bạc của Bùi Quang L, Phạm Hữu T1, Nguyễn Thị T, Bùi Văn T3 và Lê Văn K.

Ngày 03/9/2024, Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Quang L, Phạm Hữu T1, Nguyễn Thị T và Lê Văn K. Thu giữ của Bùi Quang L 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu đen kèm sim.

Ngày 06/9/2024, Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Văn T3. Thu giữ của Bùi Văn T3 01 điện thoại nhãn hiệu 11 Promax màu vàng kèm sim.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, Lê Văn K khai thêm về việc có đánh bạc với một số người khác bằng tương tự, tuy nhiên không nhớ cụ thể số tiền đánh, ngày đánh và những người này là ai.

Tại Bản cáo trạng số: 3096/CT-VKSQY ngày 13/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên đã truy tố các bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận hành vi giống như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1,2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Quang L từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1,2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T1 từ 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T3 từ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu đen của Bùi Quang L và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng của Bùi Văn T3 do liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy các sim thu giữ kèm theo điện thoại.

Đề nghị truy thu số tiền sử dụng vào mục đích phạm tội, cụ thể: buộc bị cáo Nguyễn Thị T và Lê Văn K phải nộp lại số tiền 13.500.000đ; bị cáo Phạm Hữu T1 phải nộp lại số tiền 11.250.000đ; bị cáo Bùi Văn T3 phải nộp lại số tiền 8.000.000đ để mà các bị cáo đã tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên để sung Ngân sách nhà nước. Trả lại Bùi Văn T3 số tiền 2.250.000đ.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn, hối hận và nhận thức được

hành vi vi phạm pháp luật của mình và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện và thừa nhận nội dung Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát đã nêu là đúng. Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa, như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian tháng 8/2024, tại địa bàn thị xã Q, Lê Văn K, Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Mua bán số lô, đề”. Cụ thể:

- Ngày 19/8/2024, Nguyễn Thị T và Lê Văn K đánh bạc với Bùi Quang L. Số tiền đánh bạc là 11.250.000 đồng.

- Ngày 28/8/2024, Phạm Hữu T1 đánh bạc với Bùi Quang L. Số tiền đánh bạc là 11.250.000 đồng.

- Ngày 30/8/2024, Nguyễn Thị T và Lê Văn K đánh bạc với Bùi Văn T3. Số tiền đánh bạc là 10.250.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 đã cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; như nội dung bản cáo trạng số: 3096/CT-VKSQY ngày 13/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, vì “đánh bạc” là tệ nạn của xã hội, nó không chỉ tiêu tốn tài sản của cá nhân và gia đình người tham gia đánh bạc mà nó còn làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, làm ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì hám lợi nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo

đã thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự an toàn xã hội, do đó cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội cũng như vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Các bị cáo đánh bạc với số tiền chênh lệch so với nhau là không lớn, Nguyễn Thị T và Phạm Hữu T1 đều là người trực tiếp bán số lô, đề, tuy nhiên, trong những lần bị xử lý hình sự, T là người trực tiếp bán số lô, đề cho Bùi Quang L và Bùi Văn T3 trong 02 ngày; Lê Văn K mặc dù đồng phạm với Nguyễn Thị T về hành vi đánh bạc tuy nhiên không trực tiếp bán số lô, đề cho L và T3 mà tiếp nhận ý chí và hưởng lợi; Phạm Hữu T1 do có mối quan hệ quen biết nên bán số lô, đề cho L 01 lần; L và T3 đều người chơi tuy nhiên L đánh bạc 02 lần nên có vai trò cao hơn T3. Do đó, xác định bị cáo Thu giữ vai trò cao nhất, sau đó lần lượt đến các bị cáo L, K, T1 và T3.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K phạm tội 2 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị T quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện hiện và xử lý hình sự các bị cáo Lê Văn K, Bùi Văn T3; bị cáo Bùi Quang L quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện hiện và xử lý hình sự các bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Hữu T1 nên Nguyễn Thị T và Bùi Quang L được đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có căn cứ nên chấp nhận. Ngoài ra, bị cáo Lê Văn K tham gia nghĩa vụ quân sự và được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiến tiến do Ban chỉ huy trung đoàn 131 Hải Quân tặng; bị cáo L gia đình thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương, quá trình học tập bị cáo dành được nhiều huy chương tại các giải thể thao hội khỏe Phù đồng do thị xã Q và tỉnh Quảng Ninh tổ chức; bị cáo T, L, K và T3 có đơn xác nhận của Chính quyền địa phương là người có nhân thân tốt, tích cực hợp tác với CQĐT, trong quá trình sinh sống tại địa phương trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, bị cáo Phạm Hữu T1 có bố đẻ là ông Phạm Hữu T2 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang đồng thời các bị cáo T, K, T1 và T3 đều đã tự nguyện nộp lại số tiền liên quan đến việc đánh bạc nên T, K, L, T1 và T3 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy: không cần thiết phải cách ly các bị cáo này khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L và Lê Văn K; áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 cũng đủ để răn đe, cải tạo và giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[6] Về biện pháp ngăn chặn: Cần trả tự do tại phiên tòa cho các bị cáo đang bị tạm giam được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo còn lại.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo đều thuộc diện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[8] Về số tiền do phạm tội mà có: sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền sử dụng vào mục đích phạm tội mà các bị cáo đã tự nguyện nộp, trong đó: Bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp lại số tiền 6.750,000đ; bị cáo Lê Văn K đã nộp lại số tiền 6.750,000đ; bị cáo Phạm Hữu T1 đã nộp lại số tiền 11.250.000đ; bị cáo Bùi Văn T3 đã nộp lại số tiền 10.250.000đ. Ghi nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền nói trên theo các biên lai thu tiền số 0003316 ngày 20/11/2024, số 0003317 ngày 20/11/2024, số 0003319 ngày 25/11/2024, số 0003321 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên Riêng bị cáo Bùi Văn T3 đã nộp 10.250.000đ, được khấu trừ đi số tiền bị cáo phải nộp là 8.000.000đ, trả lại cho bị cáo T3 số tiền 2.250.000đ.

[9] Vật chứng của vụ án được xử lý như sau:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu đen thu giữ của Bùi Quang L và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng thu giữ của Bùi Văn T3 do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy các sim thu giữ kèm theo điện thoại do không còn giá trị sử dụng.

[10] Về các vấn đề khác:

- Đối với việc Lê Văn K, Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 đánh bạc nhiều ngày khác với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Công an thị xã Q đã xử phạt hành chính về nội dung này nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Đối với đối tượng khác đánh bạc với Lê Văn K và Nguyễn Thị T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Bùi Quang L;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Lê Văn K;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 phạm tội: “*Đánh bạc*”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2024).

+ Xử phạt bị cáo Bùi Quang L 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2024).

Trả tự do ngay cho bị cáo Bùi Quang L, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn K 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2024).

Trả tự do ngay cho bị cáo Lê Văn K, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T1 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn T3 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Giao các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L và Lê Văn K cho Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

- Căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 71, 72, 73/2024/LCĐKNCT-TA, ngày 15 tháng 11 năm 2024 và các Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số: 95, 96, 97/2024/QĐ-TA, ngày 15 tháng 11 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Hữu T1, Bùi Văn T3 từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị T theo Biên lai thu tiền số 0003316 ngày 20/11/2024, số tiền 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Văn K theo Biên lai thu tiền số 0003317 ngày 20/11/2024, số tiền 11.250.000đ (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Phạm Hữu T1 theo Biên lai thu tiền số 0003319 ngày 25/11/2024, số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) của Bùi Văn T3 theo Biên lai thu tiền số 0003321 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

Trả lại cho bị cáo Bùi văn T3 số tiền 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003321 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu đen thu giữ của Bùi Quang L và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng thu giữ của Bùi Văn T3. Tiêu huỷ các sim điện thoại thu giữ kèm theo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 11 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên).

- Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Quang L, Lê Văn K, Phạm Hữu T1 và Bùi Văn T3 mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TX Quảng Yên;
- Công an TX Quảng Yên;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS TX Quảng Yên;
- CQ THA HS;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Công Huy